

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Q.

2. Ông Võ Thành T.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Ngô Bảo Q , sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Thạnh Tây, xã T, huyện C, tỉnh H .

2. Bị đơn: chị Nguyễn Trần V , sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn O , huyện T, tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 12/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Bảo Q trình bày: sau thời gian tìm hiểu, anh Q với chị V tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114, ngày 29/10/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Ngô Thị Thúy T , sinh ngày 22/8/2008. Vào năm 2012, chị V bỏ gia đình đi làm thuê

tại Thành phố Hồ Chí Minh; anh Q vừa chăm sóc con, vừa làm tài xế xe. Thời gian đầu chị V có về thăm gia đình nhưng được khoảng 06 tháng thì chị V không về nữa. Đến năm 2016, chị V có quay về thăm gia đình một lần rồi bỏ đi cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: anh Q yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Trần V .
- Về con chung: cháu Ngô Thị Thúy T đang được anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T , không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2021, bị đơn chị Nguyễn Trần V trình bày: chị V đồng ý ly hôn với anh Ngô Bảo Q và đồng ý giao cháu Ngô Thị Thúy T , sinh năm 2008 cho anh Ngô Bảo Q nuôi dưỡng nhưng anh Q phải đảm bảo việc thăm con của chị theo đúng luật định. Chị V không cấp dưỡng nuôi con. Nợ chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị V phải đi làm xa nên xin vắng mặt tất cả phiên hòa giải và xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Bảo Q được ly hôn với chị Nguyễn Trần V .

+ Về quan hệ con chung: giao cháu Ngô Thị Thúy T cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: anh Q yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Trần V có đăng ký thường trú tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Nguyễn Trần V có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc xin vắng mặt của bị đơn đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, quan hệ hôn nhân: anh Ngô Bảo Q và chị Nguyễn Trần V chung sống với nhau từ năm 2008, sau đó thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114, ngày 29/10/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh Q và chị V phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh Q thấy rằng: vào năm 2008, anh Q và chị V chung sống với nhau; đến năm 2012, chị V bỏ gia đình đi làm thuê cho đến nay. Mặc dù anh Q có khuyên nhủ để chị V quay về chung sống và nuôi dưỡng con chung nhưng chị V không đồng ý, từ đó giữa hai người không còn tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tạo điều kiện cho anh Q và chị V hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy chị V không tham gia phiên hòa giải nhưng chị có Tờ tự khai thống nhất theo yêu cầu của anh Q.

Xét thấy, anh Q và chị V bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Mặc dù anh Q cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không mang lại kết quả. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị V mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngô Bảo Q.

[4] Quan hệ con chung: anh Q và chị V có 01 con chung tên Ngô Thị Thúy T, sinh ngày 22/8/2008. Anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi anh Q và chị V sống ly thân, cháu T được anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học. Ngoài ra, tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu T ngày 13/12/2021 thì cháu muốn được sống chung với anh Q. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Q; giao cháu Ngô Thị Thúy T cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Ngô Bảo Q yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Bảo Q .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Bảo Q được ly hôn với chị Nguyễn Trần V .

Giấy chứng nhận kết hôn số 114, ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: anh Q và chị V có 01 con chung tên Ngô Thị Thúy T , sinh ngày 22/8/2008.

- Giao cháu Ngô Thị Thúy T cho anh Ngô Bảo Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu T đang sống chung với anh Q). Chị Nguyễn Trần V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Ngô Bảo Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Trần V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về quan hệ tài sản: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận anh Q và chị V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Ngô Bảo Q và chị Nguyễn Trần V vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Ngô Bảo Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008698 ngày

17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (anh Q đã nộp xong).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H